

UBND TỈNH KON TUM
BAN CHỈ ĐẠO
PHÒNG CHỐNG DỊCH
COVID-19 TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CV-BCĐ

Kon Tum, ngày tháng 01 năm 2022

V/v cập nhật cấp độ dịch
và hướng dẫn cách ly y tế theo
Công văn số 264/CV-BCĐ
(đến 10h00 ngày 17/01/2022)

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân, BCĐ PCD COVID-19 các huyện, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế.

Căn cứ Công văn số 115/UBND-KGVX ngày 13/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc hướng dẫn tạm thời việc đi lại của người dân theo cấp độ dịch COVID-19 (thay thế Công văn số 4614/UBND-KGVX ngày 29/12/2021); Công văn số 264/CV-BCĐ ngày 13/01/2022 của Ban Chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh về việc cập nhật cấp độ dịch và hướng dẫn cụ thể việc cách ly y tế, xét nghiệm SARS-CoV-2 cho người đến/về các địa phương trên địa bàn tỉnh theo cấp độ dịch COVID-19.

Ban Chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh cập nhật cấp độ dịch và hướng dẫn cách ly y tế theo Công văn số 264/CV-BCĐ, như sau:

1. Yêu cầu chung đối với người đến/về các địa phương trên địa bàn tỉnh (thực hiện theo Công văn số 115/UBND-KGVX)

2. Về áp dụng biện pháp phòng chống dịch COVID-19 cho việc đi lại của người dân đến/về từ các địa bàn có cấp độ dịch khác nhau (khu vực nguy cơ theo quy mô xã hoặc huyện, tỉnh và áp dụng theo quy mô được đánh giá cấp độ dịch cao nhất).

2.1. Đối với người đến/về các địa phương trên địa bàn tỉnh từ các khu vực nguy cơ¹ rất cao (cấp độ 4- Đỏ) và khu vực phong tỏa (hoặc quy mô thôn có khu vực phong tỏa²):

a) Những người đã tiêm đủ liều³ vắc xin phòng COVID-19 (thẻ xanh trên Sổ Sức khỏe điện tử hoặc giấy chứng nhận tiêm vắc xin của cơ quan có thẩm quyền cấp) hoặc đã khỏi bệnh COVID-19 trong vòng 6 tháng tính đến thời điểm

¹ Khu vực nguy cơ được áp dụng theo quy mô xã hoặc huyện, tỉnh và theo quy mô được đánh giá cấp độ dịch cao nhất.

² Theo đánh giá nguy cơ, giao Sở Y tế cập nhật (chú ý, cập nhật sớm các khu vực phong tỏa hoặc quy mô thôn có khu vực phong tỏa theo thực tế chống dịch tại các tỉnh thành).

³ Đủ liều/đủ liều cơ bản vắc xin phòng COVID-19 là 01 liều đối với vắc xin Johnson&Johnson; 02 liều đối với vắc xin Astra Zeneca, Pfizer, Moderna, Vero Cell; 03 liều đối với vắc xin Abdala hoặc Thẻ màu xanh trong Chứng nhận ngừa COVID.

về địa phương (có giấy ra viện/giấy xác nhận khỏi bệnh COVID-19): **Tự theo dõi sức khỏe tại nhà/nơi lưu trú** (gọi chung là tại nhà) trong 07 ngày kể từ ngày về địa phương; thực hiện xét nghiệm RT-PCR với SARS-CoV-2 vào ngày thứ nhất. Khuyến khích tự xét nghiệm (test nhanh kháng nguyên hoặc xét nghiệm RT-PCR tự chi trả) vào ngày thứ 7.

Người thực hiện tự theo dõi sức khỏe tại nhà trong trường hợp này phải cam kết và tuân thủ cam kết theo Phụ lục I⁴. Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 cấp xã kiểm tra, giám sát người tự theo dõi sức khỏe tại nhà tuân thủ theo cam kết, nếu không thực hiện theo cam kết thì tiến hành cưỡng chế cách ly y tế theo quy định.

b) Những người tiêm chưa đủ liều vắc xin phòng COVID-19 (thẻ vàng trên Sổ Sức khỏe điện tử hoặc giấy chứng nhận tiêm chủng của cơ quan có thẩm quyền cấp): Thực hiện **cách ly tại nhà** 07 ngày kể từ ngày về địa phương; tiếp tục **tự theo dõi sức khỏe**⁵ trong 07 ngày tiếp theo; thực hiện xét nghiệm RT-PCR với SARS-CoV-2 vào ngày thứ nhất, ngày thứ 7 kể từ ngày về địa phương.

Người thực hiện cách ly y tế tại nhà trong trường hợp này, áp dụng theo Quyết định số 879/QĐ-BYT ngày 12/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế⁶.

c) Những người chưa được tiêm vắc xin phòng COVID-19: Thực hiện **cách ly tập trung** 14 ngày kể từ ngày về địa phương; tiếp tục **tự theo dõi sức khỏe** trong 14 ngày tiếp theo; thực hiện xét nghiệm RT-PCR với SARS-CoV-2 vào ngày thứ nhất, ngày thứ 7 và ngày thứ 14 kể từ ngày về địa phương.

d) Riêng người chưa thuộc độ tuổi tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo quy định hoặc có chống chỉ định/hoãn tiêm (người hoãn/chống chỉ định tiêm phải có giấy xác nhận của cơ quan/đơn vị/bộ phận có cơ sở tiêm chủng đang được phép tiêm vắc xin phòng COVID-19) thì áp dụng điểm b khoản 2.1 Công văn này.

2.2. Đối với người đến/về các địa phương trên địa bàn tỉnh từ các khu vực nguy cơ cao (cấp độ 3- Cam):

a) Những người đã tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19: Thực hiện **tự theo dõi sức khỏe** 07 ngày kể từ ngày về địa phương. Khuyến khích tự test nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 hoặc xét nghiệm RT-PCR tự chi trả để phát hiện sớm mắc COVID-19 bảo vệ sức khỏe bản thân, gia đình và cộng đồng.

⁴ Tạm dừng thực hiện điểm d khoản 4 Công văn số 5444/CV-BCĐ ngày 26/10/2021 của Ban Chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh Kon Tum về việc một số biện pháp xử lý y tế trong phòng chống dịch COVID-19.

⁵ Nội dung thực hiện tự theo dõi sức khỏe áp dụng cho các đối tượng tự theo dõi sức khỏe trong Công văn này: Thực hiện nghiêm yêu cầu phòng chống dịch COVID-19 theo 5K của Bộ Y tế; thường xuyên đeo khẩu trang, vệ sinh tay và vệ sinh nhà cửa bằng dung dịch sát khuẩn; hạn chế đi lại, hạn chế tiếp xúc, khi cần tiếp xúc phải giữ khoảng cách an toàn tối thiểu 02 m; không tham dự, không tổ chức liên hoan, tiệc, ăn uống... đông người; tuyệt đối không tham gia các sự kiện tập trung đông người; cài đặt, mở ứng dụng PC-COVID và ghi Nhật ký tiếp xúc trong suốt thời gian tự theo dõi sức khỏe; tự theo dõi sức khỏe và chủ động thông báo tình trạng sức khỏe cho cơ sở y tế gần nhất hàng ngày; nếu có các dấu hiệu của COVID-19 (sốt; ho; đau họng; chảy nước mũi, nghẹt mũi; đau người, mệt mỏi, ớn lạnh; giảm hoặc mất vị giác; giảm hoặc mất khứu giác; đau, nhức đầu; tiêu chảy; khó thở; viêm đường hô hấp) thông báo ngay cho cơ sở y tế gần nhất (được đi làm việc, thực hiện nhiệm vụ... và phải báo cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức biết).

⁶ Quyết định số 879/QĐ-BYT ngày 12/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành "Hướng dẫn cách ly y tế tại nhà, nơi lưu trú phòng chống dịch COVID-19".

b) Những người tiêm chưa đủ liều vắc xin phòng COVID-19: **Tự theo dõi sức khỏe tại nhà** 07 ngày kể từ ngày về địa phương. Khuyến khích tự test nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 hoặc xét nghiệm RT-PCR tự chi trả để phát hiện sớm mắc COVID-19 bảo vệ sức khỏe bản thân, gia đình và cộng đồng.

Người thực hiện tự theo dõi sức khỏe tại nhà trong trường hợp này phải cam kết và tuân thủ cam kết theo Phụ lục I. Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 cấp xã kiểm tra, giám sát người tự theo dõi sức khỏe tại nhà tuân thủ theo cam kết, nếu không thực hiện theo cam kết thì tiến hành cưỡng chế cách ly y tế theo quy định.

c) Những người chưa được tiêm vắc xin phòng COVID-19: Thực hiện **cách ly tập trung** 14 ngày kể từ ngày về địa phương; tiếp tục **tự theo dõi sức khỏe** trong 14 ngày tiếp theo; thực hiện xét nghiệm RT-PCR với SARS-CoV-2 vào ngày thứ nhất, ngày thứ 7 và ngày thứ 14 kể từ ngày về địa phương.

d) Riêng người chưa thuộc độ tuổi tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo quy định hoặc có chống chỉ định/hoãn tiêm (người hoãn/chống chỉ định tiêm phải có giấy xác nhận của cơ quan/đơn vị/bộ phận có cơ sở tiêm chủng đang được phép tiêm vắc xin phòng COVID-19) thì áp dụng điểm b khoản 2.2 Công văn này.

2.3. Đối với người đến/về các địa phương trên địa bàn tỉnh từ các khu vực nguy cơ trung bình (Cấp độ 2 - Vàng), nguy cơ thấp (Cấp độ 1 - Xanh): Thực hiện **tự theo dõi sức khỏe** 07 ngày kể từ ngày về địa phương. Khuyến khích tự test nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 hoặc xét nghiệm RT-PCR tự chi trả để phát hiện sớm mắc COVID-19 bảo vệ sức khỏe bản thân, gia đình và cộng đồng.

2.4. Riêng đối với người đang cư trú/lưu trú trên địa bàn tỉnh Kon Tum không tiêm vắc xin phòng COVID-19 [trừ những người chưa thuộc độ tuổi được tiêm theo quy định; người có chống chỉ định tiêm hoặc hoãn tiêm (người hoãn/chống chỉ định tiêm phải có giấy xác nhận của cơ quan/đơn vị/bộ phận có cơ sở tiêm chủng đang được phép tiêm vắc xin phòng COVID-19)] là những đối tượng có nguy cơ rất cao mắc và tử vong do COVID-19 cho nên để bảo vệ sức khỏe, tính mạng của những trường hợp này, yêu cầu **cách ly y tế tại nhà** ngay khi khu vực (theo quy mô xã hoặc huyện hoặc tỉnh) của người không tiêm vắc xin được phân loại dịch COVID-19 cấp độ 2 hoặc cấp độ 3 hoặc cấp độ 4 cho đến khi khu vực đó được phân loại dịch cấp độ 1 (đối tượng này, không lấy mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2, trừ khi có triệu chứng COVID-19).

2.5. Trường hợp đang thực hiện cách ly y tế trên địa bàn tỉnh nhưng có nhu cầu rời khỏi địa bàn tỉnh khi chưa hoàn thành thời gian cách ly: Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 cấp huyện xem xét quyết định kết thúc cách ly và đảm bảo phòng, chống dịch an toàn tuyệt đối để rời địa bàn tỉnh (đối với cơ sở cách ly tập trung của cấp tỉnh: Cơ quan, đơn vị chủ quản cơ sở cách ly xem xét quyết định kết thúc cách ly và đảm bảo phòng, chống dịch an toàn tuyệt đối để rời địa bàn tỉnh).

2.6. Trường hợp đến/về địa bàn tỉnh từ các địa phương chưa công bố cập nhật cấp độ dịch theo Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 4800/QĐ-BYT của Bộ Y tế: Áp dụng biện pháp phòng, chống dịch như điểm 2.1 khoản 2 Công văn này.

2.7. Đối với các đoàn công tác vào địa bàn tỉnh (*Công văn số 115/UBND-KGVX*).

2.8. Một số trường hợp khác:

- Người đến/về các địa phương trên địa bàn tỉnh có yếu tố dịch tễ và có triệu chứng COVID-19 (sốt; ho; đau họng; chảy nước mũi, nghẹt mũi; đau người, mệt mỏi, ớn lạnh; giảm hoặc mất vị giác; giảm hoặc mất khứu giác; đau, nhức đầu; tiêu chảy; khó thở; viêm đường hô hấp...) được cách ly tại các cơ sở y tế; xét nghiệm theo chỉ định của Bác sỹ.

- Người nhà, người bệnh đến/về các địa phương trên địa bàn tỉnh có đến/ở tại các khoa, phòng có ca COVID-19 khi chưa được kiểm soát của các cơ sở khám chữa bệnh hoặc có liên quan trực tiếp thì áp dụng theo điểm 2.1 khoản 2 Mục I Công văn này (nếu người bệnh đang tiếp tục quá trình điều trị sau ra viện thì cách ly tại cơ sở y tế; nếu cơ sở khám chữa bệnh có phong tỏa thì áp dụng theo khu vực phong tỏa).

- Người nhà, người bệnh đến/về các địa phương trên địa bàn tỉnh có đến/ở tại các khoa, phòng khác của cơ sở khám chữa bệnh có khoa, phòng có ca COVID-19 chưa được kiểm soát thì áp dụng biện pháp cách ly tại nhà (nếu người bệnh đang tiếp tục quá trình điều trị sau ra viện thì cách ly tại cơ sở y tế).

- Người không có tiếp xúc gần với ca COVID-19 mà chỉ liên quan tại các sự kiện tập trung đông người có ca COVID-19 thì áp dụng biện pháp khai báo y tế bắt buộc và tự theo dõi sức khỏe.

3. Cập nhật các khu vực nguy cơ, khu vực phong tỏa (kèm Phụ lục):

- Các địa phương thay đổi cấp độ dịch hoặc cập nhật khu vực phong tỏa được áp dụng các biện pháp phòng chống dịch theo thời điểm được thông báo (cắt ngang), các trường hợp trước thời điểm thông báo/cập nhật thì giữ nguyên biện pháp cách ly y tế/tự theo dõi sức khỏe tại nhà/tự theo dõi sức khỏe/khai báo y tế bắt buộc theo quy định.

- Phụ lục kèm theo này được cập nhật theo công thông tin của Bộ Y tế tại địa chỉ <https://capdodich.yte.gov.vn/>: Trường hợp các địa phương cập nhật lại cấp độ dịch theo địa chỉ này thì căn cứ vào cập nhật mới nhất đó để áp dụng cho công dân đến/về các địa phương trên địa bàn tỉnh; trường hợp công dân đến/về các địa phương trên địa bàn tỉnh có mang theo quyết định công bố cấp độ dịch mới nhất của địa phương (của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cấp huyện hoặc cấp tỉnh) nhưng địa phương chưa cập nhật kịp lên địa chỉ <https://capdodich.yte.gov.vn/> thì áp dụng theo quyết định của địa phương công bố cấp độ dịch.

Ban Chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân và BCĐ PCD COVID-19 cấp huyện⁷; các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Trưởng BCĐ PCD COVID-19 tỉnh Kon Tum;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Kon Tum;
- Công an tỉnh;
- Sở Giao thông vận tải;
- Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVYD.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Võ Văn Thanh**

⁷ Ủy ban nhân dân và BCĐ PCD COVID-19 cấp huyện chịu trách nhiệm gửi cập nhật cách ly y tế đến các Tổ cộng đồng.

CẬP NHẬT: 10 h 00 , ngày 17 / 01 / 2022

Phụ lục

**CÁC KHU VỰC NGUY CƠ, KHU VỰC PHÒNG TỎA
VÀ CÁC ĐỊA PHƯƠNG NÂNG CẤP ĐÁP ỨNG PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19**
(Kèm theo Công văn số/CV-BCĐ ngày /01/2022 của BCĐ PCD COVID-19 tỉnh Kon Tum)

| TT | TỈNH/THÀNH PHỐ | HUYỆN (trương đương) | Xã (trương đương) | | Khu vực phong tỏa và xã có khu vực phong tỏa | | | |
|----|----------------|----------------------|---|----------|--|-------------------|---------------------|----------|
| | | | CẤP ĐỘ 3 | CẤP ĐỘ 4 | Xã (trương đương) | Khu vực phong tỏa | Thời gian kiểm soát | |
| | | | | | | | Bắt đầu | Kết thúc |
| 01 | TP HỒ CHÍ MINH | Quận 1 | Cầu Ông Lãnh | | | | | |
| 02 | ĐỒNG NAI | Biên Hoà | Phước Tân, Tân Phong, Tân Mai | | | | | |
| | | Trảng Bom | An Viễn, TT Trảng Bom, Trung Hoà, Hưng Thịnh, Thanh Bình, Trung Hoà | | | | | |
| | | Vĩnh Cửu | Bình Hoà, Hiếu Liêm, Thiện Tân, Phú Lý, Mã Đà, Tân Bình, Vĩnh An | | | | | |
| | | Cẩm Mỹ | Nhân Nghĩa, Xuân Tây, Xuân Mỹ, Thừa Đức, Bảo Bình | | | | | |
| | | Long Thành | Lộc An, Tam An, An PhướcLong An | | | | | |
| | | Nhon Trạch | Phước Thiên, Hiệp Phước, Long Thọ, | | | | | |

| TT | TỈNH/THÀNH PHỐ | HUYỆN (trung ương) | Xã (trung ương) | | Khu vực phong tỏa và xã có khu vực phong tỏa | | | | |
|----|-----------------------|--------------------|--|----------------------------------|--|-------------------|---------------------|----------|--|
| | | | CẤP ĐỘ 3 | CẤP ĐỘ 4 | Xã (trung ương) | Khu vực phong tỏa | Thời gian kiểm soát | | |
| | | | | | | | Bắt đầu | Kết thúc | |
| | | | Phước Khánh, Vĩnh Thanh | | | | | | |
| | | Định Quán | Phú Túc, Phú Vinh, Phú Ngọc | | | | | | |
| | | Long Khánh | Xuân Bình, Xuân Thanh, Xuân Hoà, Bàu Trâm, Xuân Tân | | | | | | |
| | | Tân Phú | Thanh Sơn, Phú Thịnh, Phú Lộc, Phú Lâm, Phú Thanh | | | | | | |
| 03 | AN GIANG | Tân Châu | Vĩnh Xương | | | | | | |
| | | Tịnh Biên | Nhà Bàng | | | | | | |
| | | An Phú | TT An Phú | | | | | | |
| 04 | LONG AN | | | | | | | | |
| 05 | ĐỒNG THÁP | | | | | | | | |
| 06 | BÌNH PHƯỚC (Cấp độ 3) | | | | | | | | |
| 07 | TRÀ VINH | Châu Thành | Nguyệt Hoá | Hoà Thuận | | | | | |
| | | Cầu Ngang | TT Cầu Ngang, Mỹ Long, Mỹ Hoà, Hiệp Hoà, Kim Hoà, Trường Thọ, Long Sơn, Thuận Hoà, | | | | | | |
| | | Trà Cú | Lưu Nghiệp Anh, Đại An, Tân Hiệp, | TT Trà Cú, Ngãi Xuyên, Thanh Sơn | | | | | |

| TT | TỈNH/THÀNH PHỐ | HUYỆN (trung ương) | Xã (trung ương) | | Khu vực phong tỏa và xã có khu vực phong tỏa | | | | |
|----|-----------------------------|-------------------------------|---|----------|--|-------------------|---------------------|----------|--|
| | | | CẤP ĐỘ 3 | CẤP ĐỘ 4 | Xã (trung ương) | Khu vực phong tỏa | Thời gian kiểm soát | | |
| | | | | | | | Bắt đầu | Kết thúc | |
| | | | Tân Sơn | | | | | | |
| | | Thành phố Trà Vinh (Cấp độ 3) | | | | | | | |
| | | Tiểu Cần | Tập Ngãi | | | | | | |
| | | Huyện Duyên Hải | Đôn Châu | | | | | | |
| | | Càng Long (Cấp độ 3) | | | | | | | |
| 08 | BÌNH DƯƠNG | | | | | | | | |
| 09 | VĨNH LONG (Cấp độ 3) | | | | | | | | |
| 10 | TÂY NINH (Cấp độ 3) | | | | | | | | |
| 11 | TIỀN GIANG | Mỹ Tho | Phường 9, 10 | | | | | | |
| | | Châu Thành | Bình Đức, Vĩnh Kim, Kim Sơn | | | | | | |
| | | Huyện Cai Lậy | Thạnh Lộc | | | | | | |
| 12 | BÀ RỊA- VŨNG TÀU | Bà Rịa | Long Toàn | | | | | | |
| | | Xuyên Mộc | Phước Bửu, Hoà Hưng | | | | | | |
| | | Long Điền | An Nhứt | | | | | | |
| 13 | BẾN TRE | Ba Tri | Mỹ Hoà, An Đức, TT Ba Tri, Phú Lễ, An Phú Trung, Mỹ Chánh | | | | | | |
| | | Thạnh Phú | An Điền, An | | | | | | |

| TT | TỈNH/THÀNH PHỐ | HUYỆN (trung ương) | Xã (trung ương) | | Khu vực phong tỏa và xã có khu vực phong tỏa | | | | |
|----|----------------|-----------------------|---|----------|--|-------------------|---------------------|----------|--|
| | | | CẤP ĐỘ 3 | CẤP ĐỘ 4 | XÃ (trung ương) | Khu vực phong tỏa | Thời gian kiểm soát | | |
| | | | | | | | Bắt đầu | Kết thúc | |
| | | | Thạnh | | | | | | |
| | | Bình Đại | Vang Quới Đông, Vang Quới Tây, Châu Hưng | | | | | | |
| | | Châu Thành | Thành Triệu, Hữu Định, An Phước, An Hiệp, Giao Long, Châu Thành, Tam Phước, Tân Thạch, An Hoà | | | | | | |
| | | Giồng Trôm (Cấp độ 3) | | | | | | | |
| | | Chợ Lách | Vĩnh Thành, Vĩnh Hoà, TT Chợ lách, Hưng Khánh Trung B, Phú Phụng | | | | | | |
| | | Mỏ Càyl Bắc | Hoà Lộc, Nhuận Phú Tân, Tân Thanh Tây, Phú Mỹ, Tân Bình | | | | | | |
| | | Mỏ Càyl Nam | An Thạnh, TT Mỏ Càyl, Thành Thới B | | | | | | |
| | | TP Bến Tre (Cấp độ 3) | | | | | | | |
| 14 | SÓC TRĂNG | Trần Đề (Cấp độ 3) | | | | | | | |

| TT | TỈNH/THÀNH PHỐ | HUYỆN (trung ương) | Xã (trung ương) | | Khu vực phong tỏa và xã có khu vực phong tỏa | | | | |
|----|-------------------|-----------------------------|--|----------|--|-------------------|---------------------|----------|--|
| | | | CẤP ĐỘ 3 | CẤP ĐỘ 4 | Xã (trung ương) | Khu vực phong tỏa | Thời gian kiểm soát | | |
| | | | | | | | Bắt đầu | Kết thúc | |
| | | Kế Sách | An Lạc Thôn, Trinh Phú, An Lạc Tây, Kế An | | | | | | |
| | | Mỹ Tú | Thuận Hưng, Phú Mỹ | | | | | | |
| | | Thanh Trị (Cấp độ 3) | | | | | | | |
| | | Vĩnh Châu | Lạc Hoà, Phường 1, Hoà Đông | | | | | | |
| 15 | CÀ MAU | | | | | | | | |
| 16 | KIÊN GIANG | Kiên Lương | Sơn Hải | | | | | | |
| | | Hòn Đất | Sơn Kiên | | | | | | |
| | | An Minh | Vân Khánh | | | | | | |
| | | Kiên Hải | An Sơn | | | | | | |
| 17 | HẬU GIANG | Phụng Hiệp | Tất cả các phường, xã của huyện Phụng Hiệp | | | | | | |
| | | Huyện Châu Thành A | Tất cả các phường, xã của huyện Châu Thành A trừ TT Một Ngàn | | | | | | |
| | | Vị Thủy | Tất cả các phường, xã của huyện Vị Thủy | | | | | | |
| | | Long Mỹ | Thuận An, Trà Lồng, Bình Thạnh, Long | | | | | | |

| TT | TỈNH/THÀNH PHỐ | HUYỆN (trung ương) | Xã (trung ương) | | Khu vực phong tỏa và xã có khu vực phong tỏa | | | | |
|----|----------------|-----------------------|--|----------|--|-------------------|---------------------|----------|--|
| | | | CẤP ĐỘ 3 | CẤP ĐỘ 4 | Xã (trung ương) | Khu vực phong tỏa | Thời gian kiểm soát | | |
| | | | | | | | Bắt đầu | Kết thúc | |
| | | | Bình, Long Phú | | | | | | |
| | | Ngã Bảy | Tất cả các phường, xã của thành phố Ngã Bảy | | | | | | |
| | | Vị Thanh | Tất cả các phường, xã của thành phố Vị Thanh | | | | | | |
| | | Châu Thành | Tất cả các phường, xã của huyện Châu Thành | | | | | | |
| 18 | CÀNG THƠ | Ninh Kiều | Tân An, An Hoà | An Cư | | | | | |
| | | Bình Thủy | Trà Nóc, Phường Bình Thủy | | | | | | |
| | | Ô Môn | Trường Lạc | | | | | | |
| | | Thốt Nốt (Cấp độ 3) | | | | | | | |
| | | Phong Điền | TT Phong Điền | | | | | | |
| 19 | BẠC LIÊU | Vĩnh Lợi | Hung Thành | | | | | | |
| 20 | HÀ NỘI | Hoàn Kiếm | Hàng Gai, Cửa Nam, Hàng Bài, Cửa Đông, Hàng Bông, Chương Dương, Phúc Tân | | | | | | |
| | | Thanh Xuân (Cấp độ 3) | | | | | | | |

| TT | TỈNH/THÀNH PHỐ | HUYỆN (trương đương) | Xã (trương đương) | | Khu vực phong tỏa và xã có khu vực phong tỏa | | | | |
|----|----------------|------------------------|--|----------|--|-------------------|---------------------|----------|--|
| | | | CẤP ĐỘ 3 | CẤP ĐỘ 4 | Xã (trương đương) | Khu vực phong tỏa | Thời gian kiểm soát | | |
| | | | | | | | Bắt đầu | Kết thúc | |
| | | Ba Đình (Cấp độ 3) | | | | | | | |
| | | Tây Hồ | Xuân La, Yên Phụ, Bưởi | | | | | | |
| | | Hai Bà Trưng | Đông Nhân, Trương Định, Nguyễn Du, Bạch Đằng, Phạm Đình Hổ, Minh Khai, Quỳnh Mai, Thanh Lương, Thanh Nhân, Quỳnh Lôi | | | | | | |
| | | Long Biên (Cấp độ 3) | | | | | | | |
| | | Hoàng Mai (Cấp độ 3) | | | | | | | |
| | | Nam Từ Liêm (Cấp độ 3) | | | | | | | |
| | | Bắc Từ Liêm | Thụy Phương, Xuân Tào, Xuân Đình | | | | | | |
| | | Thường Tín | Văn Phú, Tân Minh, Tô Hiệu, Hiền Giang, Ninh Sở | | | | | | |
| | | Phú Xuyên | Châu Càng, Quang Lãng | | | | | | |
| | | Ứng Hoà | Liên Bạt, Tào | | | | | | |

| TT | TỈNH/THÀNH PHỐ | HUYỆN (trung ương) | Xã (trung ương) | | Khu vực phong tỏa và xã có khu vực phong tỏa | | | | |
|----|----------------|--------------------|--|----------|--|-------------------|---------------------|----------|--|
| | | | CẤP ĐỘ 3 | CẤP ĐỘ 4 | Xã (trung ương) | Khu vực phong tỏa | Thời gian kiểm soát | | |
| | | | | | | | Bắt đầu | Kết thúc | |
| | | | Dương Văn, Đội Bình, Hoa Sơn, Trung Tú | | | | | | |
| | | Hà Đông | Yên Nghĩa, Dương Nội, Yết Kiêu, Vạn Phúc, Nguyễn Trãi, Văn Quán | | | | | | |
| | | Sơn Tây | Xuân Khanh | | | | | | |
| | | Hoài Đức | An Khánh, An Thượng, Song Phương, Trạm Trôi, Tiên Yên, An Khánh, Lại Yên, Vân Canh, Kim Chung, DI Trạch, Đông La | | | | | | |
| | | Quốc Oai | Thạch Thán, Đại Thành, Tân Phú, Đông Yên | | | | | | |
| | | Chương Mỹ | Nam Phương Tiến, Tân Tiên, Văn Võ, Chúc Sơn, Đông Phương Yên | | | | | | |
| | | Thanh Oai | Cự Khê, Kim thư, Cao Viên, Dân Hoà, Xuân Dương | | | | | | |

| TT | TỈNH/THÀNH PHỐ | HUYỆN (trung ương) | Xã (trung ương) | | Khu vực phong tỏa và xã có khu vực phong tỏa | | | | |
|----|-------------------|------------------------|--|----------|--|-------------------|------------------------|-------------|--|
| | | | CẤP ĐỘ 3 | CẤP ĐỘ 4 | Xã (trung ương) | Khu vực phong tỏa | Thời gian kiểm soát | | |
| | | | | | | | Bắt đầu | Kết thúc | |
| | | Đông Đa | Quốc Tử Giám, Trung Phụng, Thịnh Quang, Văn Chương, Cát Linh, Ngã Tư Sở, Thổ Quan, Văn Miếu, Kim Liên, Khâm Thiên, Phương Liên | | | | | | |
| | | Cầu Giấy (Cấp độ 3) | | | | | | | |
| | | Đông Anh | Vân Nội, Hải Bối, Võng La, Mai Lâm, Xuân Canh, Kim Chung | | | | | | |
| | | Sóc Sơn | Phú Cường, Mai Đình, Trung Giã, Phù Lỗ | | | | | | |
| | | Mê Linh | Tráng Việt, Hoàng Kim | | | | | | |
| | | Thanh Trì | Tân Triều, Hữu Hoà, Tam Hiệp, Tứ Hiệp, Yên Mỹ, Vĩnh Quỳnh, Ngọc Hồi, Ngũ Hiệp, Đông Mỹ, Văn Điển | | | | | | |
| | | Gia Lâm (Cấp độ 3) | | | | | | | |

| TT | TỈNH/THÀNH PHỐ | HUYỆN (trung ương) | Xã (trung ương) | | Khu vực phong tỏa và xã có khu vực phong tỏa | | | | |
|----|----------------------|--------------------|--|----------|--|-------------------|---------------------|----------|--|
| | | | CẤP ĐỘ 3 | CẤP ĐỘ 4 | Xã (trung ương) | Khu vực phong tỏa | Thời gian kiểm soát | | |
| | | | | | | | Bắt đầu | Kết thúc | |
| 21 | HƯNG YÊN | Yên Mỹ | Liêu Xá, Nghĩa Hiệp | | | | | | |
| 22 | HẢI PHÒNG (Cấp độ 3) | | | | | | | | |
| 23 | BẮC GIANG | Việt Yên | Quang Châu, Vân Trung | | | | | | |
| | | Yên Dũng | Nội Hoàng | | | | | | |
| 24 | BẮC NINH | Quế Võ | Phương Liễu, Phương Mao | | | | | | |
| | | Thuận Thành | Trí Quả, TT Hồ, Xuân Lâm | | | | | | |
| | | TP Bắc Ninh | Tiền An, Vân Dương, Suối Hoa, Nam Sơn | | | | | | |
| | | Tiên Du | Hoàn Sơn, Đại Đồng | | | | | | |
| | | Từ Sơn | Tân Hồng, Đình Bảng, Hương Mạc, Phù Chân | | | | | | |
| 25 | LẠNG SƠN | Hữu Lũng | Hoà Lạc, Yên Sơn, Hồ Sơn, Minh Sơn | | | | | | |
| | | Chi Lăng | Quan Sơn, TT Chi Lăng | | | | | | |
| | | Đình Lập | TT Đình Lập | | | | | | |
| | | Lạng Sơn | Tam Thanh | | | | | | |
| | | Cao Lộc | TT Cao Lộc, Phú Xá | | | | | | |

| TT | TỈNH/THÀNH PHỐ | HUYỆN (trương đương) | Xã (trương đương) | | Khu vực phong tỏa và xã có khu vực phong tỏa | | | | |
|----|----------------|----------------------|--|-----------|--|-------------------|---------------------|----------|--|
| | | | CẤP ĐỘ 3 | CẤP ĐỘ 4 | Xã (trương đương) | Khu vực phong tỏa | Thời gian kiểm soát | | |
| | | | | | | | Bắt đầu | Kết thúc | |
| | | Tràng Định | Quốc Việt, Kháng Chiến, Thất Khê | | | | | | |
| 26 | HÀ NAM | Duy Tiên | Bạch Thượng | | | | | | |
| | | Kim Bàng | Đại Cương, Liên Sơn | | | | | | |
| 27 | VĨNH PHÚC | Phúc Yên | Phúc Thắng, Trưng Nhị | | | | | | |
| | | Lập Thạch | Hợp Lý, Bắc Bình | | | | | | |
| | | Vĩnh Tường | Nghĩa Hưng | | | | | | |
| | | Yên Lạc | Trung Hà, TT Yên Lạc | | | | | | |
| | | Bình Xuyên | Hương Sơn, Tam Hợp, Hương Canh, Tân Phong, Đạo Đức, Trung Mỹ, Thiện Kế, Bá Hiến, Quất Lưu, Sơn Lôi | | | | | | |
| 28 | THÁI BÌNH | | | | | | | | |
| 29 | NAM ĐỊNH | Hải Hậu | Hải Hà, Hải Đường, Hải Ninh, TT Côn | Hải Giang | | | | | |
| | | Nam Định | Lộc Vượng, Quang Trung, Mỹ Xá, Cửa Nam, Trần Tế Xương, Thống Nhất, Lộc An, Cửa Bắc, Năng Tĩnh | | | | | | |

| TT | TỈNH/THÀNH PHỐ | HUYỆN (trung ương) | Xã (trung ương) | | Khu vực phong tỏa và xã có khu vực phong tỏa | | | | |
|---------|---|--------------------|---|------------|--|---|---------------------|----------|--|
| | | | CẤP ĐỘ 3 | CẤP ĐỘ 4 | Xã (trung ương) | Khu vực phong tỏa | Thời gian kiểm soát | | |
| | | | | | | | Bắt đầu | Kết thúc | |
| | | Ý Yên | Yên Lợi, TT Lâm, Yên Trung, Yên Lương, Liên Hồng | | | | | | |
| | | XUân Trường | Xuân Tiến, Xuân Ngọc | | | | | | |
| | | Vụ Bản | Liên bảo, Hợp Hưng, Hiền Khánh, Liên Minh, Minh Tân, Quang Trung, Đại Thắng | Thành Lợi, | | | | | |
| | | Nghĩa Hưng | Hoàng Nam | | | | | | |
| | | Nam Trực | Nam Giang, Hồng Quang, Nam Thanh | | | | | | |
| | | Giao Thủy | | Giao Nhân | | | | | |
| | | 30 | BẮC KẠN | Na Rì | Sơn Thành | Yên Lạc, Kim Lư, Xuân Dương, Trần Phú, Văn Minh | | | |
| Bắc Kạn | Nông Thượng, Phùng Chí Kiên, Huyện Tụng, Đức Xuân | | | | | | | | |
| Chợ Mới | Quảng Chu | | | Hoà Mục | | | | | |
| Pác Nặm | Xuân La, Cổ Linh, Bằng Thành | | | Bộc Bó | | | | | |
| 31 | LÀO CAI | Bắc Hà | Thái Giàng Phố | | | | | | |
| | | Lào Cai | Phường Lào Cai | | | | | | |

| TT | TỈNH/THÀNH PHỐ | HUYỆN (trung ương) | Xã (trung ương) | | Khu vực phong tỏa và xã có khu vực phong tỏa | | | | |
|----|----------------|--------------------|--|----------|--|-------------------|---------------------|----------|--|
| | | | CẤP ĐỘ 3 | CẤP ĐỘ 4 | Xã (trung ương) | Khu vực phong tỏa | Thời gian kiểm soát | | |
| | | | | | | | Bắt đầu | Kết thúc | |
| | | Bảo Thắng | Bản Cầm | | | | | | |
| | | Bảo Yên | Bảo Hà | | | | | | |
| | | Sa Pa | Phường Sa Pa | | | | | | |
| 32 | YÊN BÁI | Nghĩa Lộ | Trung Tâm, Nghĩa Phúc, Nghĩa Lợi, Tân An | | | | | | |
| | | Văn Chấn | Thượng Bằng La | | | | | | |
| | | Trần Yên | Hoà Công | | | | | | |
| 33 | ĐIỆN BIÊN | Tuần Giáo | Chiềng Sinh | | | | | | |
| | | Điện Biên | Thanh Yên | | | | | | |
| 34 | HOÀ BÌNH | Lương Sơn | TT Lương Sơn, Liên Sơn, Nhuận Trạch, Hoà Sơn, Lâm Sơn, Cư Yên, Tân Vinh, Cao Sơn | | | | | | |
| | | TP Hoà Bình | Trung Minh | | | | | | |
| | | Kim Bôi | Đông Bắc | | | | | | |
| | | Cao Phong | Dũng Phong | | | | | | |
| | | Mai Châu | Tân Thành | | | | | | |
| | | Lạc Thủy | Thống Nhất, An Bình, Hưng Thi, Chi Nê | | | | | | |
| | | Lạc Sơn | Vụ Bản, Văn Nghĩa | | | | | | |
| 35 | TUYÊN QUANG | Hàm Yên | Hùng Đức | | | | | | |

| TT | TỈNH/THÀNH PHỐ | HUYỆN (trung ương) | Xã (trung ương) | | Khu vực phong tỏa và xã có khu vực phong tỏa | | | |
|----|----------------|--------------------|---|------------|--|-------------------|---------------------|----------|
| | | | CẤP ĐỘ 3 | CẤP ĐỘ 4 | XÃ (trung ương) | Khu vực phong tỏa | Thời gian kiểm soát | |
| | | | | | | | Bắt đầu | Kết thúc |
| 36 | PHÚ THỌ | Cẩm Khê | Tạ Xá | | | | | |
| | | Phú Thọ | Thanh Minh | | | | | |
| 37 | LAI CHÂU | Sìn Hồ | Phăng Sô Lin | | | | | |
| | | Than Uyên | Tà Gia | | | | | |
| | | Tân Uyên | TT Tân Uyên | | | | | |
| 38 | SƠN LA | Phù Yên | Mường Bang | | | | | |
| | | TP Sơn La | Chiềng Sinh, Hua La | Quyết Tâm | | | | |
| | | Mường La | | Chiềng Ân | | | | |
| | | Vân Hồ | Xã Vân Hồ | | | | | |
| | | Mai Sơn | | Nà Bó | | | | |
| | | Mộc Châu | TT Mộc Châu, Chiềng Khừa | | | | | |
| 39 | HÀ GIANG | Bắc Quang | Vĩnh Hảo | | | | | |
| 40 | THÁI NGUYÊN | Phổ Yên | Thuận Thành, Đồng Tiến | Hồng Tiến, | | | | |
| 41 | CAO BẰNG | Cao Bằng | Đề Thám | | | | | |
| | | Trùng Khánh | Trà Lĩnh | | | | | |
| 42 | QUẢNG NINH | Quảng Yên | Sông Khoai, Hà An, Nam Hoà, Tiên Phong, Hiệp Hoà, Phong Hải, Yên Giang, Tiến Phong, Tân An, Quảng Yên | | | | | |
| | | Vân Đồn | Vạn Yên | | | | | |

| TT | TỈNH/THÀNH PHỐ | HUYỆN (trung ương) | Xã (trung ương) | | Khu vực phong tỏa và xã có khu vực phong tỏa | | | |
|----|----------------|--------------------|--|----------|--|-------------------|---------------------|----------|
| | | | CẤP ĐỘ 3 | CẤP ĐỘ 4 | Xã (trung ương) | Khu vực phong tỏa | Thời gian kiểm soát | |
| | | | | | | | Bắt đầu | Kết thúc |
| | | Móng Cái | Quảng Nghĩa | | | | | |
| | | Cầm Phả | Cầm Tây, Cầm Thủy, Cầm Bình, Cầm Sơn, Cầm Đông, Cầm Thành | | | | | |
| | | Uông Bí | Phương Đông, Yên Thanh, Phương Nam | | | | | |
| | | Đông Triều | Yên Đức, Mạo Khê, Yên Thọ, Hồng Thái Đông, Hồng Thái Tây, Kim Sơn, Bình Khê, Hoàng Quế, Trảng Lương, Thủy An | | | | | |
| 43 | NINH BÌNH | Ninh Bình | Nam Thành, Ninh Phong, Phúc Thành, Ninh Phúc, Ninh Sơn, Ninh Tiến | | | | | |
| | | Nho Quan | Sơn Lai, Văn Phú, Yên Quang, Văn Phong, Văn Phương, Nho Quan | | | | | |
| | | Yên Mô | Yên Phong | | | | | |
| 44 | HẢI DƯƠNG | Bình Giang | Vĩnh Hưng, Kẻ Sặt | | | | | |

| TT | TỈNH/THÀNH PHỐ | HUYỆN (trung ương) | Xã (trung ương) | | Khu vực phong tỏa và xã có khu vực phong tỏa | | | | |
|----|---------------------------|----------------------|---|----------|--|-------------------|---------------------|----------|--|
| | | | CẤP ĐỘ 3 | CẤP ĐỘ 4 | Xã (trung ương) | Khu vực phong tỏa | Thời gian kiểm soát | | |
| | | | | | | | Bắt đầu | Kết thúc | |
| | | Chí Linh | Bến Tắm, Sao Đỏ | | | | | | |
| | | Cẩm Giàng | Cẩm Đông, Đức Chính | | | | | | |
| | | Thanh Miện | Thanh Tùng | | | | | | |
| 45 | ĐÀ NẴNG | Sơn Trà | An Hải Bắc, Nại Hiên Đông, Thọ Quang, Mân Thái | | | | | | |
| | | Liên Chiểu | Hoà Hiệp Bắc | | | | | | |
| | | Thanh Khê (Cấp độ 3) | | | | | | | |
| | | Ngũ Hành Sơn | Hoà Hải, Mỹ An | | | | | | |
| | | Cẩm Lệ | Hoà An, Hoà Phát | | | | | | |
| 46 | THỪA THIÊN HUẾ (Cấp độ 3) | | | | | | | | |
| 47 | PHÚ YÊN | Đông Hoà | Hoà Xuân Nam | | | | | | |
| 48 | KHÁNH HOÀ | Ninh Hoà | Ninh Thọ, Ninh Phước, Ninh Hiệp, Ninh Tây, Ninh Thượng, Ninh Sim, Ninh Lộc, Ninh Phú, Ninh Đông, Ninh Bình, Ninh Đa, Ninh Trung | | | | | | |
| | | Nha Trang | Tân Lập, Phước Hoà, Vạn Thạnh, | | | | | | |

| TT | TỈNH/THÀNH PHỐ | HUYỆN (trung ương) | Xã (trung ương) | | Khu vực phong tỏa và xã có khu vực phong tỏa | | | | |
|----|----------------|-----------------------|--|----------|--|-------------------|---------------------|----------|--|
| | | | CẤP ĐỘ 3 | CẤP ĐỘ 4 | Xã (trung ương) | Khu vực phong tỏa | Thời gian kiểm soát | | |
| | | | | | | | Bắt đầu | Kết thúc | |
| | | | Vĩnh Nguyên, Vĩnh Hải, Vĩnh Thọ, Phước Tiến, Vĩnh Thái, Lộc Thọ | | | | | | |
| | | Vạn Ninh | Vạn Giã, Vạn Thắng, Vạn Thọ, Vạn Thạnh, Vạn Lương | | | | | | |
| | | Khánh Vĩnh (Cấp độ 3) | | | | | | | |
| | | Diên Khánh | Diên Xuân, Diên Đồng, Diên Lâm Diên Phước, Diên An, Diên Thạnh, Diên Toàn, Diên Lạc, Bình Lộc, Suối Hiệp, Diên Thọ | | | | | | |
| | | Khánh Sơn | Sơn Hiệp | | | | | | |
| 49 | QUẢNG NGÃI | Trà Bồng | Trà Xuân, Trà Lâm, Trà Sơn | | | | | | |
| | | TP Quảng Ngãi | Tịnh Ân Đông | | | | | | |
| | | Sơn Tịnh (Cấp độ 3) | | | | | | | |
| | | Sơn Tây | Sơn Mùa | | | | | | |
| | | Tư Nghĩa | Nghĩa Điền | | | | | | |
| | | Bình Sơn | | | | | | | |

| TT | TỈNH/THÀNH PHỐ | HUYỆN (trung ương) | Xã (trung ương) | | Khu vực phong tỏa và xã có khu vực phong tỏa | | | | |
|----|-----------------------------|--------------------|--|----------|--|-------------------|---------------------|----------|--|
| | | | CẤP ĐỘ 3 | CẤP ĐỘ 4 | XÃ (trung ương) | Khu vực phong tỏa | Thời gian kiểm soát | | |
| | | | | | | | Bắt đầu | Kết thúc | |
| | | (Cấp độ 3) | | | | | | | |
| 50 | NGHỆ AN | Thanh Chương | Thanh Lương | | | | | | |
| | | Nghĩa Đàn | Nghĩa Hội, Nghĩa Phú | | | | | | |
| | | Quế Phong | Châu Kim | | | | | | |
| | | Quỳnh Lưu | Quỳnh Giang | | | | | | |
| 51 | BÌNH ĐỊNH (Cấp độ 3) | | | | | | | | |
| 52 | THANH HOÁ | Nghi Sơn | Hải Thanh, Xuân Lâm, Nguyên Bình, Hải Thượng, Mai Lâm, Thanh Sơn, Hải Châu, Trúc Lâm | Hải Bình | | | | | |
| | | Quảng Xương | Quảng Đức | | | | | | |
| 53 | HÀ TĨNH | Lộc Hà | Thạch Kim, Phù Lưu | | | | | | |
| | | Cẩm Xuyên | Cẩm Bình | | | | | | |
| | | Kỳ Anh | Kỳ Hà | | | | | | |
| 54 | NINH THUẬN | | | | | | | | |
| 55 | BÌNH THUẬN | Tánh Linh | Đức Thuận, Lạc Tánh | | | | | | |
| 56 | QUẢNG NAM | Hội An | Minh An, Cẩm Phô | | | | | | |
| | | Quế Sơn | Hương An | | | | | | |
| 57 | QUẢNG BÌNH | Quảng Trạch | Quảng Thanh, Quảng Phú | | | | | | |

| TT | TỈNH/THÀNH PHỐ | HUYỆN (trung ương) | Xã (trung ương) | | Khu vực phong tỏa và xã có khu vực phong tỏa | | | | |
|----|----------------|----------------------|-------------------------------------|----------|--|-------------------|---------------------|----------|--|
| | | | CẤP ĐỘ 3 | CẤP ĐỘ 4 | Xã (trung ương) | Khu vực phong tỏa | Thời gian kiểm soát | | |
| | | | | | | | Bắt đầu | Kết thúc | |
| | | Quảng Ninh | Trường Xuân | | | | | | |
| 58 | QUẢNG TRỊ | Đông Hà | Phường 2, Phường 4 | | | | | | |
| | | Hướng Hoá | Xã Húc | | | | | | |
| | | Gio Linh | Linh Trường | | | | | | |
| 59 | LÂM ĐỒNG | Đà Lạt | Phường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, Tà Nung | | | | | | |
| | | Bảo Lộc | B' Lao, Lộc Châu, Lộc Nga, Lộc Sơn | | | | | | |
| | | Lạc Dương (Cấp độ 3) | | | | | | | |
| | | Lâm Hà | Nam Ban | | | | | | |
| | | Đơn Dương | Thanh Mỹ, Lạc Xuân, Tu Tra, Đa Ròn | | | | | | |
| | | Di Linh | Đình Trang Hoà, Sơn Điền | | | | | | |
| | | Đạ Huoai | Phước Lộc | | | | | | |
| | | Đam Rông | Rô Men | | | | | | |
| | | Cát Tiên | Quảng Ngãi, Đức Phổ | | | | | | |
| | | Bảo Lâm (Cấp độ 3) | | | | | | | |
| | | Đức Trọng | Liên Nghĩa, Phú Hội | | | | | | |
| 60 | ĐẮK LẮK | Buôn Ma Thuột | Ea Kao | | | | | | |
| | | Ea Súp | TT Ea Súp | | | | | | |

| TT | TỈNH/THÀNH PHỐ | HUYỆN (trương đương) | Xã (trương đương) | | Khu vực phong tỏa và xã có khu vực phong tỏa | | | | |
|----|-----------------|-----------------------------|---------------------------------------|----------|--|-------------------|---------------------|----------|--|
| | | | CẤP ĐỘ 3 | CẤP ĐỘ 4 | Xã (trương đương) | Khu vực phong tỏa | Thời gian kiểm soát | | |
| | | | | | | | Bắt đầu | Kết thúc | |
| | | Krông A Na | Băng A Drênh | | | | | | |
| | | Krông Păk | Ea Yiêng | | | | | | |
| | | Krông Búk | Ea Sin | | | | | | |
| | | Krông Bông | Hoà Tân | | | | | | |
| | | Huyện Lắk (Cấp độ 3) | | | | | | | |
| | | Cư Kuin | Ea Ktur | | | | | | |
| 61 | ĐẮK NÔNG | Krông Nô | Đăk Drô | | | | | | |
| | | Đăk R'Lấp | Kiến Đức | | | | | | |
| | | Đăk Song | Đức An, Trường Xuân | | | | | | |
| | | Gia Nghĩa | Quảng Thành, Nghĩa Thành, Nghĩa Trung | | | | | | |
| | | Đăk Glong | Quảng Hoà, Đăk Som | | | | | | |
| | | Đăk Mĩl | Đăk Gằn | | | | | | |
| | | Cư Jut | Ea T'Ling, Cư Knia | | | | | | |
| 62 | GIA LAI | Pleiku | Diên Hồng, Thăng Lợi | | | | | | |
| | | Chư Sê | Ia Hlốp, Ia Ko | | | | | | |
| | | Krông Pa | Phú Túc | | | | | | |
| | | Koong Chro | Ya Trung | | | | | | |
| | | Ia Grai | Ia O | | | | | | |
| | | Đăk Đoa | Đăk Krong, TT | Hải Yang | | | | | |

| TT | TỈNH/THÀNH PHỐ | HUYỆN (trung ương) | Xã (trung ương) | | Khu vực phong tỏa và xã có khu vực phong tỏa | | | | |
|----|-------------------|-----------------------|------------------------------|----------|--|-------------------|------------------------|-------------|--|
| | | | CẤP ĐỘ 3 | CẤP ĐỘ 4 | Xã (trung ương) | Khu vực phong tỏa | Thời gian kiểm soát | | |
| | | | | | | | Bắt đầu | Kết thúc | |
| | | | Đăk Đoa, Ia Băng | | | | | | |
| | | An Khê | Cửu An, An Phước, Song An | | | | | | |